

CÔNG ƯỚC CHỐNG TRA TẤN VÀ CÁC HÌNH THỨC TRỪNG PHẠT HAY ĐỐI XỬ TÀN ÁC, VÔ NHÂN ĐẠO HOẶC HẠ THẤP NHÂN PHẨM, 1984

(Được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 10/12/1984 theo Nghị quyết 39/46. Có hiệu lực từ ngày 26/6/1987, theo Điều 27(1))

Các quốc gia thành viên Công ước này,

Xét rằng, theo những nguyên tắc được tuyên bố trong Hiến chương Liên Hợp Quốc, việc công nhận các quyền bình đẳng và không thể chuyển nhượng của mọi thành viên trong gia đình nhân loại là nền tảng của tự do, công lý và hoà bình trên thế giới,

Thừa nhận rằng, những quyền đó xuất phát từ nhân phẩm vốn có của con người,

Xét nghĩa vụ của các quốc gia theo Hiến chương, cụ thể theo điều 55, là thúc đẩy sự tôn trọng và tuân thủ chung với các quyền và tự do cơ bản của con người,

Xét điều 5 của Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người và điều 7 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, trong đó cả hai điều đều quy định rằng, không ai phải chịu tra tấn hoặc đối xử hay trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm.

Cũng xét đến Tuyên bố về bảo vệ mọi người không bị tra tấn, đối xử hay hình phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm, được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 9/12/1975,

Mong muốn cuộc đấu tranh chống tra tấn và đối xử hay trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm được hiệu quả hơn,

Đã thoả thuận như sau:

PHẦN I

Điều 1.

1. Theo mục đích của Công ước này, thuật ngữ "tra tấn" có nghĩa là bất kỳ hành vi nào có ý gây đau đớn hoặc đau khổ nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần cho một người, vì những mục đích như lấy thông tin hoặc lời thú tội từ người đó hay một người thứ ba, hoặc để trừng phạt người đó vì một hành vi mà người đó hay người thứ ba thực hiện hay bị nghi ngờ đã thực hiện, hoặc để đe dọa hay ép buộc người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất kỳ một lý do nào khác dựa trên sự phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi nỗi đau đớn và đau khổ đó do một công chức hay người nào khác hành động với tư cách chính thức gây ra, hay với sự xúi giục, đồng tình hay ưng thuận của một công chức. Khái niệm tra tấn không bao gồm những đau đớn hoặc đau khổ xuất phát từ, gắn liền với hoặc có liên quan đến các biện pháp trừng phạt hợp pháp.

2. Quy định trong điều này không làm phương hại tới bất kỳ văn kiện quốc tế hay pháp luật quốc gia nào có hay có thể có các điều khoản có mức độ áp dụng rộng rãi hơn.

Điều 2.

1. Mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện các biện pháp lập pháp, hành pháp, tư pháp, hoặc các biện pháp hiệu quả khác để ngăn chặn các hành vi tra tấn trên bất cứ khu vực lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của mình.

2. Không có bất kỳ hoàn cảnh ngoại lệ nào, cho dù là trong tình trạng chiến tranh, hoặc đang bị đe dọa bởi chiến tranh, mất ổn định chính trị trong nước hoặc bất kỳ tình trạng khẩn cấp nào có thể được viện dẫn để biện minh cho việc tra tấn.

3. Mệnh lệnh của quan chức hay của cơ quan có thẩm quyền cấp trên không thể được viện dẫn để biện minh cho việc tra tấn.

Điều 3.

1. Không một quốc gia thành viên nào được trục xuất, đẩy trả về hoặc dẫn độ một người cho một quốc gia khác, nơi có nhiều lý do thực tế để tin rằng người đã có nguy cơ bị tra tấn.

2. Để xác định xem có những lý do đó hay không, các nhà chức trách có thẩm quyền phải xem xét mọi yếu tố có liên quan, bao gồm sự tồn tại của một mô hình vi phạm các quyền con người một cách thô bạo, trắng trợn và phổ biến ở quốc gia liên quan, nếu có.

Điều 4.

1. Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng mọi hành vi tra tấn đều cấu thành tội phạm theo luật hình sự của nước mình. Điều này cũng áp dụng với những hành vi cố gắng thực hiện việc tra tấn hoặc hành vi của bất kỳ người nào đồng lõa hoặc tham gia việc tra tấn.

2. Mỗi quốc gia thành viên phải trừng trị những tội phạm này bằng những hình phạt thích đáng tương ứng với tính chất nghiêm trọng của chúng.

Điều 5.

1. Mỗi quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán đối với những hành vi phạm tội nêu ở điều 4, trong các trường hợp sau:

a) Khi hành vi phạm tội được thực hiện trên bất cứ vùng lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của quốc gia hay trên tàu thủy hoặc máy bay đăng ký ở quốc gia đó.

b) Khi người bị tình nghi phạm tội là công dân của quốc gia đó.

c) Khi nạn nhân là công dân của quốc gia đó nếu quốc gia đó thấy thích đáng.

2. Mỗi quốc gia thành viên cũng phải tiến hành những biện pháp cần thiết để xác lập quyền tài phán của mình đối với những hành vi phạm tội này trong trường hợp người bị tình nghi phạm tội

đang có mặt ở bất kỳ vùng lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của mình và quốc gia đó không dẫn độ người bị tình nghi theo điều 8 đến bất kỳ quốc gia nào nói ở khoản 1 điều này.

3. Công ước này không loại trừ bất kỳ quyền tài phán hình sự nào được thực thi theo pháp luật quốc gia.

Điều 6.

1. Sau khi kiểm tra thông tin có được, nếu thấy rằng hoàn cảnh yêu cầu, bất kỳ quốc gia thành viên nào mà trên lãnh thổ của mình người bị nghi là đã thực hiện hành vi phạm tội nêu tại điều 4 đang có mặt, phải bắt giam người đó hoặc tiến hành những biện pháp pháp lý khác để bảo đảm sự hiện diện của người đó. Việc giam giữ và các biện pháp pháp lý khác phải tuân theo các quy định pháp luật của quốc gia đó nhưng chỉ có thể được duy trì trong một thời gian cần thiết để tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng hay dẫn độ nào.

2. Quốc gia nêu trên phải tiến hành ngay việc điều tra sơ bộ sự việc.

3. Bất kỳ ai bị giam giữ theo khoản 1 điều này phải được giúp đỡ liên hệ ngay với đại diện thích hợp gần nhất của quốc gia mà người đó là công dân, hoặc, nếu người đó là người không quốc tịch, với đại diện của quốc gia nơi người đó thường trú.

4. Khi một quốc gia bắt giữ một người theo quy định tại điều này, quốc gia đó phải thông báo ngay cho quốc gia nói tại khoản 1 điều 5 về việc người đó bị bắt giữ, và hoàn cảnh đòi hỏi phải bắt giữ người đó. Quốc gia tiến hành điều tra sơ bộ nói ở khoản 2 điều này phải nhanh chóng thông báo kết quả điều tra của mình cho các quốc gia nói trên và cho biết có dự định thực thi quyền tài phán hay không.

Điều 7.

1. Quốc gia mà trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình phát hiện người được cho là đã thực hiện hành vi phạm tội nêu tại điều 4, sẽ phải chuyển vụ việc lên cơ quan thẩm quyền của quốc gia đó để truy tố, trong các trường hợp nêu tại điều 5, nếu quốc gia đó không dẫn độ người bị tình nghi.

2. Những cơ quan thẩm quyền này phải quyết định tương tự như trường hợp của bất kỳ hành vi phạm tội thông thường nào có tính chất nghiêm trọng theo pháp luật của quốc gia đó. Trong các trường hợp nói ở khoản 2 điều 5, tiêu chuẩn về chứng cứ cần thiết để truy tố và kết tội phải không kém nghiêm ngặt hơn những tiêu chuẩn áp dụng cho các trường hợp nói tại khoản 1 điều 5.

3. Bất kỳ người nào đang là đối tượng của quá trình tố tụng vì bất kỳ hành vi phạm tội nào nói tại điều 4 phải được bảo đảm đối xử công bằng trong mọi giai đoạn tố tụng.

Điều 8.

1. Những hành vi phạm tội nói tại điều 4 phải được coi là các tội có thể dẫn độ theo bất kỳ điều ước quốc tế về dẫn độ nào nếu có giữa các quốc gia thành viên. Các quốc gia thành viên cam kết đưa những hành vi phạm tội này vào danh mục các tội có thể dẫn độ trong các điều ước quốc tế về dẫn độ sẽ được ký kết giữa họ với nhau.

2. Nếu một quốc gia thành viên chỉ cho phép dẫn độ khi có điều ước quốc tế về dẫn độ mà nhận được yêu cầu dẫn độ của một quốc gia thành viên khác không có điều ước quốc tế về dẫn độ với mình thì quốc gia đó có thể coi Công ước này là cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ đối với những hành vi phạm tội này. Việc dẫn độ sẽ phải tuân thủ những điều kiện khác do pháp luật của quốc gia được yêu cầu dẫn độ quy định.

3. Các quốc gia thành viên không đặt điều kiện dẫn độ bằng việc có điều ước quốc tế về dẫn độ phải công nhận những hành vi phạm tội này là tội có thể dẫn độ giữa họ với nhau, theo những điều kiện do pháp luật của quốc gia được yêu cầu dẫn độ quy định.

4. Những hành vi phạm tội này phải được xử lý, vì mục đích dẫn độ giữa các quốc gia thành viên, như thể chúng được thực hiện không chỉ tại nơi xảy ra tội phạm, mà cả trên lãnh thổ của các quốc gia được yêu cầu xác lập quyền tài phán của mình theo khoản 1 điều 5.

Điều 9.

1. Các quốc gia thành viên phải hỗ trợ lẫn nhau một cách tối đa về các thủ tục tố tụng hình sự áp dụng đối với những hành vi phạm tội nói tại điều 4, kể cả việc cung cấp bằng chứng cần thiết mà họ có được cho việc tiến hành tố tụng.

2. Các quốc gia thành viên phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo khoản 1 điều này phù hợp với bất kỳ điều ước quốc tế nào về tương trợ tư pháp có thể có giữa các quốc gia này.

Điều 10.

1. Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng giáo dục và tuyên truyền về nghiêm cấm hành động tra tấn được đưa đầy đủ vào chương trình đào tạo các quan chức thực thi pháp luật, các nhân viên dân sự, quân sự, y tế, công chức và những người khác mà có thể liên quan đến việc giam giữ, thẩm vấn hoặc đối xử với bất kỳ cá nhân nào bị bắt, giam giữ hay cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Mỗi quốc gia thành viên phải đưa việc nghiêm cấm này vào các quy tắc hoặc hướng dẫn được ban hành về nhiệm vụ và chức năng của tất cả những đối tượng kể trên.

Điều 11.

Mỗi quốc gia thành viên phải rà soát một cách có hệ thống các quy tắc, hướng dẫn, phương pháp và thực tiễn thẩm vấn cũng như các cơ chế giam giữ và đối xử với những người bị bắt, giam giữ, cầm tù dưới mọi hình thức, ở bất kỳ lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của mình, nhằm mục đích ngăn chặn mọi vụ việc tra tấn.

Điều 12.

Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng các cơ quan có thẩm quyền của mình sẽ tiến hành điều tra khẩn trương và khách quan mỗi khi có cơ sở hợp lý để tin rằng việc tra tấn đã xảy ra trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình.

Điều 13.

Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng bất kỳ cá nhân nào cho rằng họ bị tra tấn trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình đều có quyền khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền của nước đó, và và được những cơ quan này xem xét một cách khẩn trương và khách quan. Quốc gia đó cũng phải thực hiện các biện pháp để bảo đảm rằng người khiếu nại và nhân chứng được bảo vệ tránh sự ngược đãi hay hăm dọa vì như là hậu quả của việc khiếu nại hoặc cung cấp bằng chứng.

Điều 14.

Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm trong hệ thống pháp luật của mình rằng các nạn nhân của hành động tra tấn sẽ được cứu chữa và có quyền khả thi được bồi thường công bằng và thỏa đáng, kể cả được cung cấp những điều kiện để phục hồi một cách đầy đủ đến mức có thể. Trường hợp nạn nhân chết do bị tra tấn, những người phụ thuộc vào người đó có quyền hưởng sự bồi thường.

2. Không một quy định nào trong điều này ảnh hưởng tới bất kỳ quyền được bồi thường nào của nạn nhân hay của người khác có thể có theo pháp luật quốc gia.

Điều 15.

Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng bất kỳ phát ngôn nào được đưa ra như là kết quả của sự tra tấn sẽ không được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tiến trình tố tụng nào, trừ khi để làm bằng chứng chống lại một người bị cáo buộc là đã thực hiện hành động tra tấn để có lời khai đó.

Điều 16.

1. Mỗi quốc gia thành viên cam kết ngăn ngừa trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình những hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm khác mà không giống với tra tấn như định nghĩa ở điều 1, khi những hành vi này do một công chức hay người nào khác hành động với tư cách chính thức thực hiện, hoặc do xúi giục, đồng tình hay ưng thuận. Cụ thể là những nghĩa vụ quy định tại các điều 10, 11, 12 và 13 sẽ được áp dụng, trong đó các dẫn chiếu về hành động tra tấn sẽ được thay thế bằng các dẫn chiếu về các hình thức đối xử và trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm.

2. Các quy định của Công ước này sẽ không làm phương hại tới các quy định của bất kỳ văn kiện nào khác trong pháp luật quốc tế hay pháp luật quốc gia mà nghiêm cấm các hành động đối xử và trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm, hoặc liên quan đến các vấn đề dẫn độ hay trục xuất.

PHẦN II

Điều 17.

1. Thành lập một Ủy ban chống tra tấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban) có những chức năng được quy định dưới đây. Ủy ban bao gồm 10 chuyên gia được thừa nhận là có đạo đức cao và có năng lực trong lĩnh vực quyền con người, làm việc với tư cách cá nhân. Các chuyên gia phải được các quốc gia thành viên bầu, có tính tới sự phân bè công bằng về địa lý và lợi ích của sự tham gia của những người có kinh nghiệm pháp luật.
2. Các thành viên Ủy ban sẽ được bầu bằng bỏ phiếu kín trên cơ sở danh sách đề cử của các quốc gia thành viên. Mỗi quốc gia có thể đề cử một công dân nước mình. Các quốc gia thành viên cần chú ý đến lợi ích của việc đề cử những người cũng là thành viên của Ủy ban quyền con người được thành lập theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị và những người sẵn sàng làm việc trong Ủy ban chống tra tấn.
3. Việc bầu các thành viên Ủy ban sẽ được tiến hành tại cuộc họp toàn thể các nước thành viên tổ chức hai năm một lần do Tổng thư ký Liên Hợp Quốc triệu tập. Tại các cuộc họp này, với điều kiện phải có sự hiện diện của ít nhất 2/3 số quốc gia thành viên, những người được bầu vào Ủy ban là những ứng cử viên có số phiếu cao nhất và chiếm đa số tuyệt đối phiếu bầu của đại diện các quốc gia có mặt và bỏ phiếu.
4. Lần bầu cử đầu tiên tổ chức không muộn hơn sáu tháng sau ngày Công ước này có hiệu lực. Ít nhất bốn tháng trước ngày bầu cử, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ gửi thư cho các quốc gia thành viên yêu cầu họ gửi danh sách đề cử trong vòng ba tháng. Tổng thư ký sẽ chuẩn bị một danh sách những người được đề cử xếp theo thứ tự trong bảng chữ cái La tinh, có ghi rõ quốc gia đề cử, và gửi cho các quốc gia thành viên.
5. Các thành viên của Ủy ban được bầu với nhiệm kỳ bốn năm. Họ có thể được bầu lại nếu được đề cử. Tuy nhiên, nhiệm kỳ của năm thành viên trong cuộc bầu cử đầu tiên sẽ chấm dứt sau hai năm. Ngay sau lần bầu cử đầu tiên, tên của năm thành viên này sẽ do chủ tọa của cuộc họp nói tại khoản 3 điều này chọn bằng rút thăm.
6. Nếu một thành viên Ủy ban chết hoặc từ chức hoặc vì bất kỳ lý do nào khác mà không thể thực hiện nhiệm vụ của mình, quốc gia thành viên đã đề cử người đó sẽ bổ nhiệm một chuyên gia khác là công dân nước mình làm việc hết thời gian còn lại của nhiệm kỳ, với điều kiện được sự chấp thuận của các đa số quốc gia thành viên. Sự chấp thuận được coi là đạt được khi có hơn một nửa số quốc gia trả lời đồng ý trong vòng sáu tuần sau khi được Tổng thư ký Liên Hợp Quốc thông báo về việc bổ nhiệm đó.
7. Các quốc gia thành viên phải chịu chi phí cho các thành viên Ủy ban khi họ thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban.

Điều 18.

1. Ủy ban sẽ bầu các quan chức của mình với nhiệm kỳ hai năm. Họ cũng có thể được bầu lại.

2. Ủy ban sẽ đặt ra các quy tắc về thủ tục của mình, những quy tắc này, không kể những nội dung khác, sẽ bao gồm những quy định sau:

a) Ủy ban sẽ chỉ họp khi có ít nhất là sáu thành viên tham gia.

b) Các quyết định của Ủy ban phải được thông qua bằng đa số phiếu của những thành viên có mặt.

3. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ cung cấp đầy đủ nhân sự và phương tiện để Ủy ban thực hiện hiệu quả chức năng của mình theo quy định của Công ước này.

4. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ triệu tập cuộc họp đầu tiên của Ủy ban. Sau cuộc họp đầu tiên, Ủy ban sẽ họp theo lịch trình quy định trong quy tắc về thủ tục của mình.

5. Các quốc gia thành viên chịu các phí tổn về tổ chức các cuộc họp của quốc gia thành viên và của Ủy ban, kể cả việc hoàn lại cho Liên Hợp Quốc các chi phí về nhân sự và phương tiện mà Liên Hợp Quốc đã chi theo khoản 3 điều này.

Điều 19.

1. Các quốc gia thành viên phải trình lên Ủy ban, qua Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, báo cáo về các biện pháp họ đã tiến hành để thực hiện cam kết theo Công ước này trong vòng một năm sau khi Công ước có hiệu lực với các quốc gia thành viên đó. Sau đó, các quốc gia phải trình báo cáo bổ sung bốn năm một lần về bất kỳ biện pháp mới nào được tiến hành và các báo cáo khác mỗi khi Ủy ban có yêu cầu.

2. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ chuyển các báo cáo tới tất cả các quốc gia thành viên.

3. Mọi báo cáo sẽ được Ủy ban xem xét, Ủy ban có thể đưa ra nhận xét về các báo cáo nếu thấy phù hợp và gửi các nhận xét đó cho quốc gia thành viên liên quan. Quốc gia thành viên đó có thể gửi ý kiến trả lời của mình cho Ủy ban.

4. Ủy ban có thể tùy ý quyết định đưa nhận xét của mình theo khoản 3 điều này, cùng với những ý kiến nhận được sau đó từ quốc gia thành viên liên quan, vào báo cáo thường niên của mình theo quy định tại điều 24. Nếu quốc gia thành viên liên quan yêu cầu, Ủy ban cũng có thể đưa bản sao của báo cáo được đệ trình theo khoản 1 điều này vào báo cáo thường niên của Ủy ban.

Điều 20.

1. Nếu Ủy ban nhận được thông tin đáng tin cậy chứa đựng những dấu hiệu có cơ sở là việc tra tấn đang được tiến hành một cách có hệ thống trên lãnh thổ của một quốc gia thành viên, Ủy ban sẽ mời quốc gia thành viên đó hợp tác trong việc kiểm tra thông tin và vì mục đích này, đưa ra ý kiến về những thông tin liên quan đó.

2. Xem xét mọi ý kiến mà quốc gia thành viên liên quan có thể đưa ra, cũng như bất kỳ thông tin liên quan nào khác có được, Ủy ban có thể, nếu thấy cần thiết, cử một hay nhiều uỷ viên tiến hành một cuộc điều tra kín và khẩn trương báo cáo kết quả với Ủy ban.

3. Khi tiến hành một cuộc điều tra theo khoản 2 điều này, Ủy ban phải tìm kiếm sự hợp tác của quốc gia thành viên liên quan. Theo thoả thuận với quốc gia thành viên liên quan, cuộc điều tra có thể bao gồm một chuyến thăm viếng lãnh thổ của quốc gia đó.

4. Sau khi xem xét kết quả điều tra do một hay nhiều thành viên của mình đưa ra theo khoản 2 điều này, Ủy ban sẽ chuyển kết quả điều tra này cho quốc gia thành viên cùng những nhận xét hay khuyến nghị mà Ủy ban cho là thích hợp về vụ việc.

5. Mọi trình tự hoạt động của Ủy ban đề cập tại các khoản từ 1 đến 4 của điều này sẽ được giữ kín, và tại mọi giai đoạn, Ủy ban phải tìm kiếm sự hợp tác của quốc gia thành viên liên quan. Sau khi những trình tự liên quan tới một cuộc điều tra theo khoản 2 điều này kết thúc, Ủy ban có thể, sau khi tham khảo ý kiến của quốc gia thành viên liên quan, quyết định đưa vào báo cáo thường niên của mình theo điều 24 bản tóm lược kết quả quá trình điều tra.

Điều 21.

1. Quốc gia thành viên Công ước này có thể, vào bất cứ lúc nào, tuyên bố theo điều này rằng quốc gia đã công nhận quyền của Ủy ban được tiếp nhận và xem xét các thông cáo theo đó một quốc gia thành viên khiếu nại một quốc gia thành viên khác không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo Công ước này. Chỉ những thông cáo do một quốc gia thành viên đã tuyên bố công nhận quyền hạn của Ủy ban về việc này trình lên mới được tiếp nhận và xem xét. Ủy ban sẽ không xem xét bất kỳ thông cáo nào theo điều này nếu nó liên quan đến một quốc gia thành viên chưa có tuyên bố như vậy. Các thông cáo được tiếp nhận theo điều này sẽ được giải quyết theo trình tự như sau:

a) Nếu một quốc gia thành viên cho rằng một quốc gia thành viên khác không thực hiện các quy định của Công ước này thì có thể gửi một thông cáo bằng văn bản, lưu ý quốc gia kia về vấn đề đó. Trong vòng 3 tháng sau khi nhận được thông cáo, quốc gia nhận được thông cáo phải đưa ra lời giải thích hoặc bất kỳ hình thức tuyên bố nào khác bằng văn bản cho quốc gia gửi thông cáo để làm sáng tỏ vấn đề, trong đó cần đề cập đến, trong chừng mực có thể và thích hợp, những thủ tục trong nước cùng những biện pháp khắc phục đã, đang hoặc sẵn sàng tiến hành để giải quyết vấn đề.

b) Nếu vấn đề không được giải quyết một cách thỏa đáng với cả hai quốc gia thành viên liên quan trong vòng sáu tháng sau khi nhận được thông cáo đầu tiên, một trong hai quốc gia đó có quyền đưa vấn đề này ra Ủy ban bằng cách gửi thông báo cho Ủy ban và cho quốc gia kia;

c) Ủy ban chỉ xem xét vấn đề theo điều này sau khi đã chắc chắn rằng mọi biện pháp khắc phục trong nước đều đã được áp dụng triệt để, phù hợp với những nguyên tắc được thừa nhận chung của luật pháp quốc tế. Quy định này không áp dụng trong trường hợp việc tiến hành những biện pháp khắc phục bị kéo dài một cách vô lý hoặc không có khả năng đem lại sự cứu giúp hiệu quả cho nạn nhân của việc vi phạm Công ước này;

- d) Ủy ban sẽ họp kín khi xem xét những thông cáo theo điều này;
- e) Với các quy định tại mục (c), Ủy ban sẽ giúp đỡ các quốc gia thành viên liên quan giải quyết vấn đề một cách thân thiện trên cơ sở tôn trọng các nghĩa vụ theo Công ước này. Vì mục tiêu đó, Ủy ban có thể, nếu thích hợp, thành lập một uỷ ban hoà giải lâm thời;
- f) Khi xem xét bất kỳ vấn đề nào được chuyển đến, Ủy ban có thể yêu cầu các quốc gia thành viên liên quan nêu tại mục (b) cung cấp bất kỳ thông tin liên quan nào;
- g) Các quốc gia thành viên liên quan nêu tại mục (b) sẽ có quyền có mặt khi vấn đề được đem ra xem xét tại Ủy ban và trình bày quan điểm bằng miệng và/hoặc bằng văn bản;
- h) Trong vòng 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo theo mục (b), Ủy ban sẽ đệ trình một báo cáo:
- (i) Nếu đạt được một giải pháp theo quy định tại mục (e), Ủy ban sẽ giới hạn báo cáo trong một tuyên bố vắn tắt về sự việc và giải pháp đã đạt được;
- (ii) Nếu không đạt được một giải pháp theo quy định tại mục (e), Ủy ban sẽ giới hạn báo cáo trong một tuyên bố vắn tắt về sự việc; các ý kiến bằng văn bản và biên bản ghi những lời phát biểu do các quốc gia thành viên liên quan đưa ra sẽ được đính kèm báo cáo. Trong mọi trường hợp, báo cáo sẽ được gửi cho các quốc gia thành viên liên quan.

2. Quy định của điều này sẽ có hiệu lực khi có năm quốc gia thành viên Công ước ra tuyên bố theo khoản 1 điều này. Những tuyên bố đó sẽ được các quốc gia thành viên nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc và Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ gửi các bản sao cho các quốc gia thành viên khác. Tuyên bố có thể được rút lại bất kỳ lúc nào bằng việc thông báo cho Tổng thư ký. Việc rút lại tuyên bố như vậy sẽ không cản trở việc xem xét bất kỳ vấn đề nào nêu trong thông cáo đã được chuyển cho Ủy ban theo điều này; không một thông cáo nào của bất kỳ quốc gia thành viên nào được tiếp nhận theo điều này sau khi Tổng thư ký đã nhận được thông báo rút lại tuyên bố nói trên, trừ khi quốc gia thành viên liên quan đưa ra tuyên bố mới.

2. Quy định của điều này sẽ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất năm quốc gia thành viên Công ước ra tuyên bố theo khoản 1 điều này. Những tuyên bố như vậy được các quốc gia thành viên nộp lưu chiểu với Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, Tổng thư ký sẽ gửi các bản sao tuyên bố cho những quốc gia thành viên khác. Tuyên bố có thể được rút lại bất kỳ lúc nào bằng một văn bản thông báo gửi cho Tổng thư ký. Việc rút lại ấy sẽ không làm cản trở việc xem xét bất kỳ vấn đề nào nêu trong thông cáo đã được chuyển cho Ủy ban theo điều này; không một thông cáo nào khác liên quan đến một quốc gia thành viên đã tuyên bố rút như vậy sẽ còn được tiếp nhận theo điều này sau khi Tổng thư ký đã nhận được thông báo rút lại tuyên bố nói trên, trừ khi quốc gia thành viên liên quan đưa ra tuyên bố mới.

Điều 22.

1. Các quốc gia thành viên Công ước này có thể vào bất cứ lúc nào tuyên bố theo điều này rằng quốc gia đó công nhận thẩm quyền của Ủy ban được tiếp nhận và xem xét thông cáo từ các cá

nhân hay từ đại diện của các cá nhân thuộc quyền tài phán của quốc gia đó khiếu nại rằng họ là nạn nhân của sự vi phạm các điều khoản của Công ước thực hiện bởi quốc gia thành viên đó. Ủy ban sẽ không nhận những thông cáo liên quan tới một quốc gia thành viên không ra một tuyên bố như vậy.

2. Ủy ban sẽ không chấp nhận theo điều này bất kỳ thông cáo nặc danh nào, hoặc những thông cáo bị coi là lạm dụng quyền đệ trình những thông cáo như thế, hoặc không phù hợp với những quy định của Công ước.

3. Phù hợp với các quy định tại khoản 2 điều này, Ủy ban sẽ lưu ý các quốc gia thành viên Công ước đã có tuyên bố theo khoản 1 và bị cho là vi phạm quy định của Công ước về bất kỳ thông cáo nào mà Ủy ban nhận được theo điều này. Trong vòng sáu tháng, quốc gia nhận được thông cáo phải gửi văn bản giải thích cho Ủy ban để làm sáng tỏ vấn đề và nêu ra những giải pháp pháp lý, nếu có, mà quốc gia đã thực hiện để giải quyết vấn đề.

4. Ủy ban sẽ xem xét những thông cáo nhận được theo điều này dựa vào mọi thông tin có được từ các cá nhân hay đại diện của họ và từ quốc gia thành viên liên quan.

5. Ủy ban sẽ không xem xét bất kỳ thông cáo nào của cá nhân theo điều này trừ khi tin chắc rằng:

a) Vấn đề đó chưa được xem xét, và không thuộc vào các vấn đề đang được xem xét, theo các thủ tục điều tra hoặc giải quyết quốc tế khác.

b) Cá nhân gửi thông cáo đã vận dụng hết những biện pháp pháp lý sẵn có ở quốc gia; quy định này sẽ không áp dụng với trường hợp việc tiến hành các giải pháp quốc gia bị kéo dài một cách vô lý, hoặc không có khả năng đem lại sự cứu giúp hiệu quả cho nạn nhân của việc vi phạm Công ước này.

6. Ủy ban sẽ họp kín khi xem xét thông cáo theo điều này.

7. Ủy ban sẽ gửi ý kiến của mình tới quốc gia thành viên và cá nhân có liên quan.

8. Các quy định của điều này sẽ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất năm quốc gia thành viên Công ước ra tuyên bố theo khoản 1 điều này. Những quốc gia ra những tuyên bố như vậy sẽ nộp lưu chiểu với Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, Tổng thư ký sẽ chuyển các bản sao cho các quốc gia thành viên khác. Tuyên bố có thể được rút lại bất kỳ lúc nào bằng cách gửi văn bản thông báo cho Tổng thư ký. Việc rút lại tuyên bố sẽ không làm phương hại đến việc xem xét nội dung của những thông cáo đã được gửi tới Ủy ban theo điều này; sẽ không một thông cáo nào của cá nhân hay đại diện cho họ khiếu nại về một quốc gia thành viên được tiếp nhận theo điều này sau khi Tổng thư ký đã nhận được thông báo rút lại tuyên bố như nêu trên của quốc gia thành viên có liên quan, trừ khi quốc gia thành viên đó đưa ra một tuyên bố mới.

Điều 23.

Các Ủy viên của Ủy ban và của các Ủy ban hoà giải lâm thời được bổ nhiệm theo điều 21, khoản 1 (e), sẽ có quyền hưởng các điều kiện thuận lợi, các ưu đãi và miễn trừ dành cho những chuyên gia đang thực thi nhiệm vụ của Liên Hợp Quốc, như quy định tại các mục liên quan trong Công ước về Đặc quyền, Ưu đãi và Miễn trừ của Liên Hợp Quốc.

Điều 24. Ủy ban sẽ trình báo thường niên về hoạt động của mình theo Công ước này cho các quốc gia thành viên và cho Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.

PHẦN III

Điều 25.

1. Công ước này đề nghị cho tất cả các quốc gia ký.
2. Công ước này phải được phê chuẩn. Văn kiện phê chuẩn sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Điều 26.

Công ước này đề nghị cho tất cả các quốc gia gia nhập. Việc gia nhập được thực hiện bằng cách nộp lưu chiểu văn kiện gia nhập cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Điều 27.

1. Công ước này có hiệu lực vào ngày thứ 30 sau ngày văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập thứ 20 được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.
2. Đối với các quốc gia phê chuẩn hay gia nhập Công ước này sau khi Công ước đã có hiệu lực, Công ước sẽ có hiệu lực với quốc gia đó sau 30 ngày kể từ khi văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập của quốc gia đó được lưu chiểu.

Điều 28.

1. Mỗi quốc gia thành viên có thể, tại thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước này, tuyên bố quốc gia đó không công nhận thẩm quyền của Ủy ban nói ở điều 20.
2. Bất kỳ quốc gia thành viên nào đã đưa ra bảo lưu theo khoản 1 điều này, vào bất cứ lúc nào, đều có thể rút bảo lưu bằng cách thông báo với Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Điều 29.

1. Bất kỳ quốc gia thành viên nào của Công ước này cũng có thể đề xuất bổ sung hay sửa đổi Công ước với Tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Tổng thư ký sẽ thông báo về đề xuất đó cho các quốc gia thành viên, yêu cầu họ cho ý kiến xem có ủng hộ việc triệu tập một hội nghị các quốc gia thành viên để xem xét và bỏ phiếu về đề xuất đó không. Trong vòng bốn tháng kể từ ngày Tổng thư ký gửi thông báo cho các quốc gia thành viên, nếu ít nhất một phần ba số quốc gia thành viên

ủng hộ việc triệu tập hội nghị, thì Tổng thư ký sẽ triệu tập một hội nghị dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc. Bất kỳ sự sửa đổi nào được đa số quốc gia thành viên có mặt và bỏ phiếu thông qua tại hội nghị sẽ được Tổng thư ký gửi cho tất cả các quốc gia thành viên để chấp thuận.

2. Mọi sửa đổi được thông qua theo khoản 1 điều này sẽ có hiệu lực khi được 2/3 quốc gia thành viên Công ước này thông báo với Tổng thư ký Liên Hợp Quốc rằng họ chấp thuận sửa đổi đó theo trình tự pháp luật tương ứng của họ.

3. Khi sửa đổi có hiệu lực, nó sẽ ràng buộc các quốc gia thành viên đã chấp thuận sửa đổi đó, các quốc gia thành viên khác vẫn bị ràng buộc bởi các quy định của Công ước này và bất kỳ nào sửa đổi mà họ đã chấp thuận trước đây.

Điều 30.

1. Mọi tranh chấp giữa hai hay nhiều quốc gia thành viên liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Công ước này mà không thể giải quyết bằng thương lượng sẽ được đưa ra trọng tài theo yêu cầu của một trong số các quốc gia thành viên đó. Nếu trong vòng 6 tháng kể từ ngày yêu cầu đưa ra trọng tài mà các bên vẫn không thể thoả thuận được về tổ chức trọng tài, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đề nghị đưa tranh chấp ra Toà án Công lý quốc tế, phù hợp với quy chế của Toà.

2. Mỗi quốc gia có thể, vào lúc ký, phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước này, tuyên bố rằng quốc gia đó không bị ràng buộc bởi khoản 1 điều này. Các quốc gia thành viên khác sẽ không bị ràng buộc bởi khoản 1 điều này đối với các quốc gia thành viên có tuyên bố như vậy.

3. Quốc gia thành viên đã đưa ra bảo lưu theo khoản 2 điều này có thể tuyên bố vào bất cứ lúc nào việc rút bảo lưu đó bằng cách thông báo cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Điều 31.

1. Quốc gia thành viên có thể rút khỏi Công ước này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc. Việc bãi ước sẽ có hiệu lực sau một năm kể từ ngày Tổng thư ký Liên Hợp Quốc nhận được thông báo.

2. Việc bãi ước như vậy không miễn cho quốc gia thành viên liên quan các nghĩa vụ theo Công ước này đối với bất kỳ hành động hoặc không hành động nào xảy ra trước ngày bãi ước có hiệu lực, cũng như không ảnh hưởng tới việc tiếp tục xem xét những vấn đề đang được Ủy ban xem xét trước ngày bãi ước có hiệu lực.

3. Từ ngày tuyên bố bãi ước của một quốc gia thành viên có hiệu lực, Ủy ban sẽ ngừng xem xét bất kỳ một thông cáo mới nào liên quan tới quốc gia ấy.

Điều 32.

Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ thông báo cho tất cả các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc và tất cả các quốc gia đã ký hoặc gia nhập Công ước này những vấn đề sau:

a) Việc ký, phê chuẩn và gia nhập theo điều 25 và 26.

b) Ngày Công ước có hiệu lực theo điều 27 và ngày những sửa đổi có hiệu lực theo điều 29.

c) Việc bãi ước theo điều 31.

Điều 33.

1. Công ước này được làm bằng tiếng A-rập, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha, các văn bản đều có giá trị như nhau và sẽ được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

2. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ chuyển các bản sao có chứng thực của công ước tới tất cả các quốc gia.